

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: **106/2024/HSST**
Ngày: 26-9-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Văn Giới**

Bà **Trần Thị Thùy Trang**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Hồ Thị Bình**, thư ký Tòa án nhân dân Huyện Đ, tỉnh B Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông **Ngô Thanh Hải**, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 102/2024/TLST-HS ngày 30/8/2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Chu Văn D, sinh năm 1997, tại B Phước; Nơi thường trú: Tổ 29, khu phố T, thị trấn P, Huyện Đ, tỉnh B; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Chu Văn C , sinh năm 1970 và bà Chu Thị H, sinh năm 1975; có 02 chị em ruột lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2002; có vợ Đinh Thị H , sinh năm 1997; có 03 con lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2024 cho đến nay. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

2. Dương Thanh B, sinh năm 1997, tại Thừa Thiên Huế; Nơi thường trú: Tổ 40, khu phố T, thị trấn P, Huyện Đ, tỉnh B; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Dương H , sinh năm 1968 và bà Chu Thị L , sinh năm 1969; có 02 anh chị ruột lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1992; có vợ Sầm Thị Kim, sinh năm 1999; có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2024 cho đến nay. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

** Người bị hại:*

- Trần Quốc C , sinh năm 1996. Trú tại: Ấp H, xã T, Huyện Đ, tỉnh B .

- Hứa Xuân T , sinh năm 1999. Trú tại: Thôn 2, xã A, huyện Đ, tỉnh L.
- Trịnh Đình C, sinh năm 2002. Trú tại Tổ 39, khu phố B, thị trấn T, Huyện Đ, tỉnh B.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Nguyễn Bá T, sinh năm 1987. Trú tại: Tổ 4B, ấp An H1, xã Tân Tiến, Huyện Đ, tỉnh B Phước.
- Trần Thị Tố N, sinh năm 1979. Trú tại: ấp M, xã T, huyện Đ, tỉnh B.
- Chu Văn T1, sinh năm 1993. Trú tại ấp D, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh B Phước.
- Hứa Văn N1, sinh năm 1977. Trú tại: Thôn 2, xã A, huyện Đ, tỉnh L.
- Nguyễn Quang H, sinh năm 1992. Trú tại: ấp Thái D, xã T, Huyện Đ, tỉnh B.
- Dương H1, sinh năm 1968. Trú tại: khu phố L, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh B.
- Chu Thị H2, sinh năm 1975. Trú tại: khu phố L, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 10/5/2024, Chu Văn D đến nhà trọ Nguyễn B thuộc tổ 39, khu phố B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh B chơi. Lúc này, D nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển kiểm soát (BKS) 93M1 – 066.58 của Trịnh Đình C (sinh năm 2002) để có tiền tiêu xài cá nhân. D sang phòng trọ số 01 gặp C hỏi mượn xe sử dụng vài ngày thì C đồng ý. Sau đó, D điều khiển xe đến nhà Nguyễn Anh Vũ (sinh năm 1997) cầm cố lấy 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Khoảng 03 ngày sau, C đòi xe thì D nói dối là xe bị công an tạm giữ vì D vi phạm giao thông. D bảo C đưa giấy tờ để D đi đóng phạt, lấy xe về trả lại C thì C đồng ý. Sau khi có được giấy chứng nhận đăng ký xe, D bảo Chu Văn T1 (sinh năm 1993) cầm cố xe với số tiền 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) thì T1 đồng ý. D, T1 đến gặp Vũ chuộc lại xe rồi T1 đưa cho D thêm 1.500.000 đồng. Một ngày sau, D tiếp tục gọi điện thoại cho T1 nhờ T1 bán xe mô tô trên. T1 đã bán lại xe cho Nguyễn Bá T (sinh năm 1987) với số tiền 5.200.000 đồng (năm triệu hai trăm nghìn đồng). T1 lấy 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền lời, còn lại 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) chuyển cho D. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được D đã tiêu xài hết.

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 22/05/2024, Hứa Xuân T (sinh năm 1999) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Air Blade, BKS 49M1 - 266.47 đến phòng trọ của B chơi. B mượn xe của T đi chở D thì T đồng ý. Dọc đường, D nói với B là xe đẹp, nếu mang xe đi cầm cố sẽ được nhiều tiền nhưng B không đồng ý. Khoảng 01 tiếng sau, B suy nghĩ lại rồi B, D nói chuyện với nhau cách chiếm đoạt xe. B chở D

về lại phòng trọ gặp T. D giả vờ hỏi mượn xe đi mua đồ còn B ở lại chơi với T để tạo lòng tin. Sau khi có được xe, D đi đến khu vực ngã tư thành phố Đồng Xoài cầm cố cho người đàn ông tên L (chưa rõ nhân thân, lai lịch) được 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng). D và B đã chia nhau tiêu xài hết số tiền này.

Sáng ngày 26/5/2024, Dương Thanh B mượn Trần Quốc C (sinh năm 1996) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, BKS 60C1 - 690.80 đi chơi. Đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, B rủ D chiếm đoạt xe mô tô này lấy tiền tiêu xài. D nhờ Nguyễn Ngọc P (sinh năm 1994) tìm người cầm cố xe thì P đồng ý. P đã điều khiển xe mô tô trên đến khu vực Cây xăng số 11 thuộc khu phố B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh B cầm cố cho người đàn ông tên S (chưa rõ nhân thân, lai lịch) được 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) rồi P đưa lại toàn bộ số tiền này cho D. D, B đã chia nhau tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐGTS ngày 14/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ, kết luận (bút lục 57):

Tại thời điểm ngày 10/5/2024, 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, BKS 93M1 – 066.58 trị giá 4.600.000 đồng (bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tại thời điểm ngày 22/5/2024, 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Air Blade, BKS 49M1 – 266.47 trị giá 39.600.000 đồng (ba mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tại thời điểm ngày 26/5/2024, 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, BKS 60C1 – 690.80 trị giá 11.100.000 đồng (mười một triệu một trăm nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 103/CT-VKS ngày 30 tháng 8 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ, tỉnh B Phước đã truy tố các bị cáo Chu Văn D, Dương Thanh B về các tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; các điều 38, 50 Bộ luật hình sự tuyên bố các bị cáo Chu Văn D, Dương Thanh B phạm tội các tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Về hình phạt:

- Đề nghị xử phạt bị cáo Chu Văn D mức án tù 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù về tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và mức án tù 06 tháng tù đến 09 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Đề nghị xử phạt bị cáo Dương Thanh B mức án tù 09 tháng tù đến 01 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và mức án tù 06 tháng tù đến 09 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Quá trình điều tra vụ án người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường nên không đề nghị xem xét.

Về vật chứng: tuyên tịch thu sung C quỹ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh dương đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh đen đã qua sử dụng.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Trong phần tranh luận, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ, tỉnh B Phước C bố bản luận tội, các bị cáo Chu Văn D, Dương Thanh B không có tranh luận gì về phần tội danh mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định nói trên. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng người bị hại Trần Quốc C , Hứa Xuân T , Trịnh Đình C có đơn xin giải quyết vắng mặt; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Bá T, Trần Thị Tô U vắng mặt không có lý do, những người làm chứng Nguyễn Anh V , Nguyễn Ngọc P vắng mặt không có lý do. Trong quá trình điều tra đã có lời khai của những người nói trên, họ không có yêu cầu bồi thường thiệt hại hay yêu cầu giải quyết vấn đề nào khác trong vụ án. Xét sự vắng mặt của những người nói trên không ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa, các bị cáo Chu Văn D, Dương Thanh B khai nhận như nội dung cáo trạng số 103/CT-VKS ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B đã truy tố.

Xét lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội, vật chứng vụ án, phù hợp với kết luận của

đại diện Viện kiểm sát cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi C khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 10/5/2024, Chu Văn D có hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS 93M1 – 066.58 trị giá 4.600.000 đồng của Trịnh Đình C tại khu phố B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh B ; Ngày 22/5/2024, Chu Văn D cùng với Dương Thanh B dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS 49M1 – 266.47 trị giá 39.600.000 đồng của Hứa Xuân T ; Ngày 26/5/2024, D và B lợi dụng lòng tin của Trần Quốc C bằng hình thức mượn sau đó nảy sinh ý định chiếm đoạt xe đem cầm cố chiếc xe mô tô BKS 60C1–690.80 trị giá 11.100.000 đồng của C tại khu phố B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh B . Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác là khách thể được pháp luật bảo vệ, gây mất niềm tin giữa con người với con người, gây mất trật tự trị an tại địa phương.

[3] Xét tính chất và mức độ của hành vi phạm tội: Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi lợi dụng lòng tốt của người khác bằng các hình thức khác nhau để chiếm đoạt tài sản lấy tiền tiêu xài cá nhân là vi phạm pháp luật và bị pháp luật nghiêm trị nhưng với động cơ, mục đích tư lợi cá nhân muốn có tiền để tiêu xài mà không phải lao động vất vả nên các bị cáo vẫn thực hiện thể hiện bằng các hành vi như đã phân tích ở trên.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, trong vụ án xảy ra vào ngày 22/05/2024 bị cáo Chu Văn D là người khởi xướng việc chiếm đoạt xe mô tô BKS 49M1 – 266.47 của Hứa Xuân T và cũng là người thực hành tích cực thể hiện ở việc bị cáo hỏi mượn xe và mang xe đi cầm cố; còn bị cáo Dương Thanh B cũng tiếp nhận ý thức của D, cùng thực hiện hành vi chiếm đoạt xe mô tô của anh T và cùng chia nhau số tiền chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân; Trong vụ án xảy ra ngày 26/5/2024, bị cáo Dương Thanh B là người rủ bị cáo D đem cầm cố xe mô tô BKS 60C1 – 690.80 của anh Trần Quốc C mà bị cáo B đã mượn trước đó để lấy tiền tiêu xài và bị cáo D cũng đồng ý tiếp nhận ý thức của bị cáo B và cũng thực hiện một cách tích cực thể hiện ở việc bị cáo đem xe đi nhờ người khác tìm người cầm xe giúp được số tiền 3.000.000 đồng, chia nhau tiêu xài cá nhân; Ngoài ra bị cáo Chu Văn D còn có hành vi gian dối chiếm đoạt xe mô tô BKS 93M1 – 066.58 của anh Trịnh Đình C bằng hình thức lừa dối anh C là xe mô tô mà bị cáo mượn của anh C bị công an giao thông tạm giữ và mượn lại giấy tờ xe để đi chuộc xe, sau đó bị cáo bán xe cho người khác để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật nên cần xét xử bị cáo mức án nghiêm, tù có thời hạn mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối

với bị cáo và phòng ngừa chung do bị cáo D thực hiện nhiều lần hơn bị cáo B nên bị cáo D phải chịu mức hình phạt nặng hơn bị cáo B.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Dương Thanh B không có tình tiết tăng nặng; Bị cáo Chu Văn D có tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo; Các bị cáo đã vận động gia đình tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục toàn bộ hậu quả; Các tài sản đã được thu hồi và trả lại cho các bị hại; các bị hại đều có đơn xin bãi nại, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; Các bị cáo đều có trình độ văn hóa thấp (chưa học hết cấp 2); các bị cáo đều có con nhỏ. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có C việc ổn định, đang bị tạm giam nên cần miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ truy tố các bị cáo Chu Văn D, Dương Thanh B về các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Kết luận của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Tuy nhiên, tài sản đã được thu hồi trả lại cho các bị hại; gia đình bị cáo đã bồi thường số tiền các bị cáo cầm xe, bán xe để khắc phục hậu quả và không ai có yêu cầu gì trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng:

Ngày 31/7/2024, Cơ quan điều tra ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius màu vàng đen, BKS 93M1 – 066.58 cho Trịnh Đình C; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Air Blade màu đen vàng, BKS 49M1 – 266.47 cho Hứa Xuân T ; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision màu đen, BKS 60C1 – 690.80 cho Trần Quốc C theo đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh dương đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo B; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh đen đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo D. Đây là C cụ các bị cáo sử dụng vào việc quá trình phạm tội nên cần tuyên tịch thu sung C quỹ Nhà nước.

[5] Đối với Nguyễn Anh Vũ, Chu Văn T1, Nguyễn Ngọc P , Nguyễn Bá T, Trần Thị Tố U là người nhận cầm cố, cầm cố giúp, mua xe mô tô nhưng không biết

đó là tài sản do phạm tội mà có, Viện kiểm sát không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người tên L , S (theo lời khai của các bị cáo) là người cầm cố xe mô tô, quá trình điều tra không làm rõ được nhân thân, lai lịch nên không có căn cứ xử lý do Viện kiểm sát không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người tên T (theo lời khai của bị hại Hứa Xuân T) là người T đã liên hệ để chuộc lại xe mô tô, quá trình điều tra không làm rõ được nhân thân, lai lịch nên không có căn cứ xử lý do Viện kiểm sát không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí các bị cáo phải chịu theo Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Chu Văn D, Dương Thanh B phạm các tội “ ***Lừa đảo chiếm đoạt tài sản***” và “***Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản***”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; các điều 17, 38, 50, 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Chu Văn D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “ ***Lừa đảo chiếm đoạt tài sản***” và 06 tháng tù về tội “***Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản***”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Chu Văn D phải chấp hành là 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/6/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Thanh B 09 (chín) tháng tù về tội “ ***Lừa đảo chiếm đoạt tài sản***” và 06 tháng tù về tội “***Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản***”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Dương T B phải chấp hành là 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/6/2024.

3. ***Về xử lý vật chứng***: Áp dụng tuyên tịch thu **Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 107 Bộ luật tố tụng hình sự**: tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh dương đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo B; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh đen đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo D

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Chu Văn D, Dương Thanh B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước (01);
- VKSND huyện Đồng Phú (01);
- Chi cục THADS huyện Đồng Phú (01);
- PV06 - CA tỉnh Bình Phước (01);
- Công an huyện (gồm: Nhà tạm giữ, Đội hồ sơ nghiệp vụ, Đội điều tra CA huyện) (03);
- TT lý lịch tư pháp - Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước (01);
- Bị cáo; người tham gia tố tụng (12);
- Lưu: HSVA, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**